

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 113/2019/HNGĐ-ST

Ngày 27/8/2019

“*V/v tranh chấp HNGĐ*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Trung.
2. Bà Nguyễn Thị Tạc

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Vi – Cán bộ Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột – tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột – tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 444/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/6/2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2019 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L. Sinh năm 1967

Trú tại: phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

* **Bị đơn:** Ông Tôn Thất L; Sinh năm 1960.

Trú tại: phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Nguyễn Thị L và ông Tôn Thất L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, do không hiểu biết pháp luật nên ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống ông bà đã có với nhau 01 con chung, là cháu Tôn Nữ Vân A; sinh năm 2000. Thời gian gần đây ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tích cách ông bà không hợp nhau. Nay bà L làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận ông bà là vợ chồng. Quá trình giải quyết, ông Tôn Thất L cũng hoàn toàn nhất trí với yêu cầu của bà L và đề nghị Tòa án không công nhận ông bà là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có một con chung là cháu Tôn Nữ Vân A đã trên 18 tuổi, nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 36, Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Tôn Thất L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng đến nay vẫn chưa đến UBND xã nơi cư trú để đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định như sau: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Vì vậy, HĐXX cần tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Tôn Thất L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông bà có một con chung là cháu Tôn Nữ Vân A đã trên 18 tuổi, nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Không yêu cầu.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí LHST theo qui định của pháp luật và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 36, Điều 147, Điều 203 BLTTDS năm 2015;

Áp dụng các Điều 8; 14; 51, khoản 2 Điều 53; Điều 57; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Tôn Thất L là vợ chồng.

2. Về con chung: Cháu Tôn Nữ Vân A đã trên 18 tuổi, nên không đề cập giải quyết.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền 300.000đ và được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị L đã nộp theo biên lai 0001637 ngày 03/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự;
-;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Văn Tú